

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG BRUNEI

Người liên hệ: Nguyễn Nam
Tel: 04.35742022 (máy lẻ 247)
Email: namn@vcci.com.vn

3.2020



HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG BRUNEI

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG.....	2
1. Các thông tin cơ bản	2
2. Lịch sử:	3
3. Du lịch.....	3
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ	4
1. Tổng quan:	4
2. Các chỉ số Kinh tế:.....	5
III. QUAN HỆ KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM	7
1. Hợp tác kinh tế.....	7
3. Tình hình đầu tư:.....	8
4. Triển vọng phát triển quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam – Brunei.....	9
5. Các Hiệp định, thoả thuận đã ký:.....	9
6. Tập quán Kinh doanh:.....	10
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO, CHÍNH TRỊ VIỆT NAM - BRUNEI.....	10
1. Quan hệ Ngoại giao:	10
2. Quan hệ Chính trị:.....	10
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI.....	11
VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH.....	11

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Brunei

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Brunei



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ:	Brunei Darussalam (B ru này Đa Rút Sa Lam)
Thể chế chính trị:	Quân chủ chuyên chế
Thủ đô :	Bandar Seri Begawan
Ngày Quốc khánh:	23 tháng 2 (1984)
Đứng đầu nhà nước:	Quốc vương kiêm Thủ tướng Sir Hassanal Bolkiah
Đứng đầu chính phủ:	Quốc vương kiêm Thủ tướng Sir Hassanal Bolkiah
Các đảng phái chính trị:	National Development Party – NDP
Thành viên của các tổ chức quốc tế:	ADB, APEC, ARF, ASEAN, C, CP, EAS, G-77, IBRD, ICAO, ICRM, IDB, IFRCs, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, ISO (correspondent), ITSO, ITU, NAM, OIC, OPCW, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIFIL, UNWTO, UPU, WCO, WHO, WIPO, WMO, WTO
Diện tích:	5,765 km ²
Đất liền:	5.264 km ² , đường bờ biển: 161km ²
Khí hậu:	nhiệt đới nóng ẩm
Tài nguyên:	dầu, khí đốt tự nhiên, gỗ...
Dân số:	465 nghìn
Tuổi trung bình:	31 tuổi
Dân tộc:	Malay 66.3%, Trung Quốc 11.2%, các dân tộc khác chiếm 22.5%
Tôn giáo:	Đạo hồi 67%, Phật giáo 13%, Thiên chúa 10% và các đạo khác 10%
Tỷ giá:	Đồng đô la Brunei –BND; 1USD = 1.394 (2017) ; 1.38 (2016); 1.37 (2015); 1.37 BND (2014); 1USD = 1.26 BND (2013), 1.25

BND (2012), 1.24 (2011), 1.36 BND (2010), 1.45 BND (2009), 1.5886 (2006), 1.6644 (2005), 1.6902 (2004), 1.7422 (2003)

Ngôn ngữ: Tiếng Malay (chính thức), tiếng Anh, tiếng Trung

2. Lịch sử:

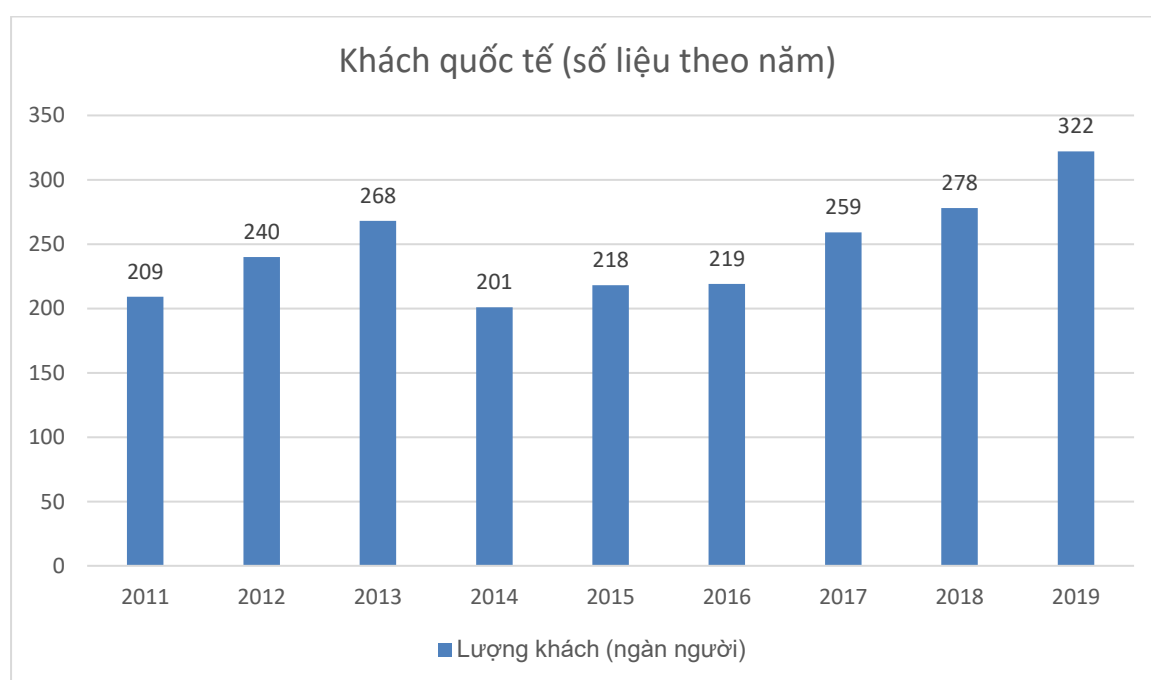
Vương quốc Hồi giáo Brunei phát triển thịnh vượng giữa thế kỷ 15 và 17 khi đất nước này chiếm giữ được khu vực ven biển phía Tây bắc Borneo và phía Nam của Philippines. Brunei sau đó bước vào giai đoạn suy thoái bởi xung đột nội bộ hoàng gia, việc mở rộng thuộc địa của các quốc gia Châu Âu, và nạn cướp biển. Năm 1888, Brunei trở thành quốc gia bị Anh kiểm soát và bảo hộ; và giành độc lập vào năm 1984. Gia đình Hoàng gia Brunei đã cai trị quốc gia này trong hơn 6 thế kỷ. Brunei có nguồn tài nguyên dầu mỏ và khí đốt thiên nhiên phong phú, và là lý do GDP bình quân đầu người của Brunei cao nhất trong khu vực Châu Á.

3. Du lịch

Năm 2019, số lượng khách du lịch bằng đường hàng không đã tăng ở mức 16,0% (tính theo năm) đạt 322 ngàn lượt khách quốc tế đến Brunei.

<https://thescoop.co/2020/01/16/brunei-on-track-to-meet-2019-tourism-target/>

Số liệu du lịch các năm trước đây:





II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan:

Trước năm 1929, Brunei còn rất lạc hậu, nghèo nàn, kinh tế chủ yếu dựa vào nguồn cao su nhỏ bé với sản lượng thấp. Từ năm 1929, việc phát hiện ra dầu mỏ và khí đốt đã đem lại sự giàu có cho đất nước này. Khai thác dầu ngoài khơi bắt đầu từ 1963 và đến nay chiếm phần lớn sản lượng dầu của Brunei. Hiện nay dầu mỏ và khí đốt chiếm 80% tổng thu nhập trong nước và 90% thu nhập về xuất khẩu nhưng chỉ sử dụng 3% lực lượng lao động. Brunei là nước sản xuất dầu mỏ lớn thứ ba ở Đông Nam Á, sau Indonesia và Malaysia. Brunei còn là nước sản xuất khí đốt hóa lỏng lớn thứ tư thế giới.

Brunei có nền kinh tế nhỏ nhưng khá thịnh vượng. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trên đầu người của Brunei cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực Đông Nam Á nói riêng (đứng sau Singapore) và thế giới thứ ba nói chung (Brunei đạt 79,700 USD/người năm 2016 và đứng thứ 8 trên thế giới). Với nguồn thu nhập rất lớn từ xuất khẩu dầu khí và dân số rất ít, Chính phủ Brunei có điều kiện thực hiện một số chính sách phúc lợi xã hội cao như công dân không phải đóng thuế thu nhập; giáo dục, chữa bệnh, ma chay không mất tiền; cấp học bổng cho học sinh giỏi được đi học ở nước ngoài; cho nhân dân vay tiền với lãi suất thấp để kinh doanh, sản xuất hay mua nhà ở với giá rẻ. Tuy nhiên, thiếu lao động do dân số ít, thị trường nội địa quá nhỏ bé, khu vực tư nhân yếu kém, phụ thuộc quá nhiều vào xuất khẩu dầu khí đã gây áp lực lớn tới sự phát triển bền vững của Brunei.

Chính phủ cung cấp các dịch vụ về y tế và giáo dục miễn phí đến bậc đại học, trợ cấp gạo và nhà ở cho tất cả người dân.

Brunei là một trong những thành viên sáng lập của Hiệp định TPP gồm 12 nước cũng như Hiệp định đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP).

Chính phủ Brunei muốn đa dạng hoá nền kinh tế, phát triển các ngành công nghiệp khác như công nghệ thông tin và truyền thông và sản xuất lương thực, được cho phép theo luật Hồi giáo. Thương mại của Brunei tăng lên vào năm 2016 và 2017, sau khi hội nhập kinh tế khu vực trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

2. Các chỉ số Kinh tế của Brunei gần đây nhất:

Các chỉ số	Thống kê theo tần suất	Thời điểm có số liệu	Số liệu
Tỷ giá - Currency	Ngày	1-3-2020	1.45
Tốc độ tăng trưởng GDP - GDP Annual Growth Rate (%)	Quý	1-12-2019	7.1
Tỷ lệ thất nghiệp - Unemployment Rate (%)	Năm	1-12-2019	9.1
Tỷ lệ lạm phát - Inflation Rate (%)	Tháng	1-11-2019	-0.1
Tỷ lệ Lãi suất - Interest Rate (%)	Ngày	1-2-2020	5.5
Nợ chính phủ so với GDP - Government Debt to GDP (%)	Năm	1-12-2018	2.4
Thuế thu nhập cá nhân - Personal Income Tax Rate (%)	Năm	1-12-2019	0
Số người bị nhiễm - Coronavirus Cases (Persons)	Ngày	1-3-2020	91
Số người chết vì Virus Corona - Coronavirus Deaths (Persons)	Ngày	1-3-2020	0
Số người đã được chữa khỏi - Coronavirus Recovered (Persons)	Ngày	1-3-2020	2

3. Xuất khẩu Brunei

a. Thị trường xuất khẩu chính

No.	Xuất khẩu của Brunei đi các nước	Trị giá XK (tính theo triệu USD)	Số liệu năm
1	Japan	2280	2018
2	Thailand	690	2018
3	South Korea	615	2018
4	Australia	578	2018
5	Singapore	557	2018

6	Malaysia	500	2018
7	India	492	2018
8	China	237	2018
9	United States	58	2018
10	Indonesia	44	2018
11	Philippines	37	2018
12	Vietnam	24	2018
13	United Kingdom	17	2018
14	Hong Kong	10	2018

b. Mặt hàng xuất khẩu chính

No.	Xuất khẩu theo mặt hàng	Trị giá (triệu USD)	Số liệu năm
1	Nhiên liệu , dầu, sản phẩm chung cất	5,980	2018
2	Hóa chất hữu cơ	240	2018
3	Máy móc, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi	99	2018
4	Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	47	2018
5	Máy móc y tế, Quang, ảnh, kỹ thuật	43	2018
6	Thiết bị điện, điện tử	37	2018
7	Máy bay, tàu vũ trụ	31	2018
8	Sắt và thép	11	2018
9	Hàng hóa không được chỉ định theo loại	9	2018
10	Cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm, động vật không xương sống	8	2018

4. Nhập khẩu Brunei

a. Thị trường Nhập khẩu chính

No.	Brunei nhập khẩu chính từ các thị trường	Giá trị (Triệu USD)	Số liệu năm
1	China	1,640	2018
2	Singapore	574	2018
3	Malaysia	551	2018
4	United States	361	2018
5	Japan	161	2018
6	United Kingdom	123	2018
7	Thailand	109	2018
8	South Korea	97	2018
9	Germany	76	2018
10	Indonesia	72	2018
11	India	70	2018

12	Hong Kong	53	2018
----	-----------	----	------

b. Mặt hàng Nhập khẩu chính

No.	Các mặt hàng nhập khẩu chính của Brunei	Giá trị Triệu USD	Số liệu năm
1	Máy móc, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi	1,010	2018
2	Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	720	2018
3	Thiết bị điện, điện tử	277	2018
4	Nhiên liệu, dầu, sản phẩm chung cất	275	2018
5	Phương tiện khác ngoài đường sắt, xe điện	236	2018
6	Sắt và thép	130	2018
7	Máy móc y tế, Quang, ảnh, kỹ thuật	126	2018
8	Dược phẩm	78	2018
9	Đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự	77	2018
10	Máy bay, tàu vũ trụ	68	2018
11	Ngũ cốc, bột mì, tinh bột, sữa và các sản phẩm	57	2018

III. QUAN HỆ KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM

1. Hợp tác kinh tế

Quan hệ thương mại và đầu tư giữa 2 nước đạt ở mức rất thấp, chưa tương xứng với quan hệ chính trị tốt đẹp giữa hai nước. Kim ngạch buôn bán hai chiều năm 1999 đạt 500,000 US\$; năm 2000 đạt trên 2 triệu US\$, năm 2005 đạt 4.5 triệu USD. Năm 2019 đạt hơn 66.5 triệu USD.

Việt Nam xuất sang Brunei chủ yếu là hàng sắt thép, thủy sản và gạo, nhập khẩu từ Brunei chủ yếu là dầu thô và hóa chất.

- Kim ngạch buôn bán hàng năm với Việt Nam (Đơn vị tính: triệu USD)

Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Tổng kim ngạch	Mức tăng (%)
2008	4	1	5	
2009	7	1	9	55.87%
2010	10	14	24	259.66%

2011	15	189	204	743.76%
2012	16	610	627	206.75%
2013	17	606	624	-0.5%
2014	49	118	167	-73.15%
2015	25	48	76	-55%
2016	20	77	97	27.6%
2017	21	51	72	-25.7%
2018	18.5	37	55.5	-22.92%
2019	177.30	66.60	243.90	239.46%

- Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính năm 2019 (USD):

Việt Nam XK đi Brunei	Giá trị (triệu USD)	Thay đổi so với 2018 (%)
Sản phẩm từ sắt thép	30.7	
Gạo	3.3	32%
Hàng Thủy sản	1.9	12%

Việt Nam NK từ Brunei	Giá trị (triệu USD)	Thay đổi so với 2018 (%)
Dầu thô	144.5	
Hóa chất	15.4	-40%

Năm 2019, mặt hàng xuất khẩu lớn nhất là sắt thép đạt hơn 30 triệu USD. Mặt hàng gạo của Việt Nam xuất khẩu sang Brunei tăng mạnh lên 3.3 triệu USD từ mức 2.5 triệu USD. Hàng hóa chất tăng lần lượt 12% so với 2018.

Việt Nam nhập khẩu dầu thô tăng mạnh lên gần 145 triệu USD. Khiến tổng giá trị xuất nhập khẩu của các mặt hàng tăng mạnh, kim ngạch thương mại hai chiều của Việt Nam và Brunei tăng gần 239% so với 2018 và đạt mức 244 triệu USD.

3. Tình hình đầu tư:

Về đầu tư, tính đến hết năm 2019 Brunei có 170 dự án đầu tư tại Việt Nam còn hiệu lực với tổng số vốn 1.08 tỷ USD, đứng thứ 4 trong ASEAN và thứ 22 trong tổng số hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam.



Tính riêng năm 2019 Brunei có thêm 13 dự án (gồm cấp mới, tăng vốn, và góp vốn mua cổ phần) đạt mức 69.6 triệu USD đầu tư vào Việt Nam.

4. Triển vọng phát triển quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam – Brunei

Quan hệ giữa Việt Nam và Brunei còn có nhiều khó khăn. Do những đặc tính nội tại của nền kinh tế Brunei: thị trường nhỏ bé, kinh tế nhiều năm qua vẫn còn gặp nhiều khó khăn; bộ máy hành chính lại trì trệ, quan liêu; bộ phận kinh tế tư nhân ở Brunei so với các nước ASEAN khác lại nhỏ bé, yếu kém và thụ động (95% là doanh nghiệp vừa và nhỏ). Trong chính sách đầu tư ra bên ngoài, Brunei chủ yếu nhằm vào bất động sản, tài chính, chứng khoán ở một số nước phương Tây như Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Singapore, Philippines ... và gần đây nhất là góp 132 triệu USD cùng với phía Thái Lan lập quỹ đầu tư 200 triệu USD. Về thương mại, là nước phải nhập khẩu hầu hết các loại hàng hóa nên từ lâu Brunei đã thiết lập được các mạng lưới cung cấp tin cậy từ các bạn hàng truyền thống; do đó, hàng ta chen chân vào là khá khó khăn (như hàng năm Brunei nhập khoảng 30 ngàn tấn gạo từ Thái Lan. Năm 2001, đoàn Bộ Thương mại ta sang Brunei đề nghị nhập thêm gạo của ta nhưng bạn từ chối).

Để thúc đẩy các mối quan hệ trên giữa hai nước phát triển trong thời gian tới, tương xứng với tiềm năng của hai bên, hai nước phải có những biện pháp tháo gỡ những vướng mắc và cản trở nêu trên đây.

Việt Nam và Brunei ra tuyên bố chung thiết lập quan hệ Đối tác Toàn diện nhân chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam của Quốc vương Brunei Darussalam Haji Hassanal Bolkiah từ 26-28/3/2019.

5. Các Hiệp định, thoả thuận đã ký:

- Hiệp định hợp tác về hàng không 9/1991 (nhưng chưa mở đường bay). MOU thành lập Ủy ban Hỗn hợp về hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật Việt Nam - Brunei (6/2000).
- Hiệp định hợp tác về Hàng hải (11/2001)
- Hiệp định hợp tác về Thương mại (11/2001)
- MOU hợp tác về Du lịch (11/2001).
- Thỏa thuận hợp tác giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Brunei (ký nhân dịp chuyến thăm chính thức Brunei của Chủ tịch nước Trần Đức Lương từ 12 – 14/11/2001).
- Bản ghi nhớ (MoU) về hợp tác giữa hai Bộ Quốc phòng (ký nhân chuyến thăm Việt Nam của Thứ trưởng Quốc phòng Brunei vào tháng 11/2005).
- MOU về hợp tác thể thao và thanh niên, MOU về hợp tác dầu khí và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (ký nhân chuyến thăm chính thức Brunei của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vào tháng 8/2007).



- Ngoài ra, Cơ quan kiểm toán của hai nước cũng đã ký kết MOU hợp tác trong năm 2008. Hiện hai bên đang tích cực trao đổi, đàm phán để sớm ký Hiệp định Khuyến khích và bảo hộ đầu tư.

6. Tập quán Kinh doanh:

Kinh doanh ở Brunei có thể là một quá trình chậm chạp. Doanh nghiệp nước ngoài cần đầu tư thời gian và công sức để xây dựng mối quan hệ và tiếp thị sản phẩm của mình với người bản địa.

Cách cư xử khi tiếp xúc với người Brunei Malay:

- Tránh sờ mó hoặc chỉ trỏ. Nếu bạn cần chỉ, bạn nên khép ngón cái của bàn tay phải lại.
- Ôm hôn không phải là một hành động thường thấy ở Brunei.
- Khi ngồi đối diện với người Brunei, bạn không nên để lộ gót chân của mình. Đừng vắt chéo chân, mà nên đặt bàn chân trên sàn nhà.
- Khi đưa hay nhận một cái gì, luôn luôn sử dụng tay phải.
- Không nên bắt tay với người khác phái. Đợi cho đến khi họ tỏ ý muốn bắt tay trước.

Cách cư xử khi tiếp xúc với người Brunei gốc Trung Quốc:

- Tránh sờ mó hoặc chỉ trỏ.
- Khi đưa hay nhận một vật gì như danh thiếp, bạn nên nhận bằng cả hai tay.
- Đừng ngồi trước khi bạn được mời. Các cơ quan chính phủ, trường công và trường đạo nghi vào thứ 6 và chủ nhật, thứ 7 là ngày làm việc bình thường. Phần lớn các tổ chức tư nhân, bao gồm 2 trường quốc tế, làm việc từ thứ 2 đến thứ 6. Tránh đến thăm người Brunei vào ngày sinh của nhà vua, ngày Hari Raya (đây là ngày cuối trong tháng ăn chay của đạo Hồi) và tết âm lịch của người Trung Quốc. Các ngày lễ này rơi vào các tháng khác nhau hàng năm. Phần lớn các doanh nghiệp đều đóng cửa vào những thời gian này. Khi mời người Brunei ăn trưa hay ăn tối, bạn nên nghĩ tới tập quán dân tộc của người đó (ví dụ người theo đạo Hồi không ăn thịt lợn). Để cho an toàn, bạn có thể yêu cầu đối tác của mình giới thiệu một nhà hàng nào đó. Không nên đề cập đến chủ đề tình dục, tôn giáo hay chính trị.

IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO, CHÍNH TRỊ VIỆT NAM – BRUNEI

1. Quan hệ Ngoại giao:

Việt Nam và Brunei thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 29/2/1992.

2. Quan hệ Chính trị:

Kể từ khi Việt Nam và Brunei thiết lập quan hệ ngoại giao (29/2/1992), quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước phát triển tốt đẹp nhất là trên lĩnh vực chính trị. Hai bên đã trao đổi nhiều đoàn các cấp kể cả cấp cao.



o Từ 01/8/2007, Brunei miễn thị thực cho công dân Việt Nam mang Hộ chiếu Phổ thông (14 ngày) và từ ngày 08/8/2007, Việt Nam cũng miễn thị thực cho công dân Brunei mang Hộ chiếu Phổ thông (14 ngày).

V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

Tháng 11/2012, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã tổ chức đoàn doanh nghiệp Việt Nam tháp tùng Chủ tịch nước thăm và làm việc tại Brunei. Nhân chuyến thăm, VCCI đã phối hợp với Phòng Thương mại Quốc gia Brunei tổ chức Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Brunei.

VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

❖ Địa chỉ Đại sứ quán Việt Nam tại Brunei:

Địa chỉ: No 9, Spg 148-3 jalan Telanai BA 2312, BSB
Điện thoại : (+673)-2651580 ; (+673)2601587 (+673)2651586 |
Fax : +673-2651574
Email : vnemb brunei@mofa.gov.vn; vnembassy@yahoo.com
Code : 00-673
Website: vnembassy-darussalam.mofa.gov.vn

Đại sứ: Đỗ Anh Tuấn Điện thoại: (673) - 2651586

Tham tán: Lê Tuấn Anh Điện thoại: (673) - 2651586

Huỳnh Quang Ngọc: Bí thư thứ ba

Địa chỉ Đại sứ quán Brunei tại Việt Nam:

Embassy of Brunei Darussalam
312, Lạc Long Quan Str., Tay Ho, Hanoi
Tel: 84-024-37262001/2/3/4
Fax: +84 90 340 7095
Email: bruemviet@hotmail.com; hanoi.vietnam@mfa.gov.bn
Website: <http://www.mfa.gov.bn/vietnam-hanoi/theme/home2.aspx>
Đại sứ: **H.E. Sahari bin Pengiran Haji Salleh**

❖ NATIONAL CHAMBER OF COMMERCE AND INDUSTRY
BRUNEI DARUSSALAM (NCCIBD)



Unit 1, Block D, Beribi Industrial Complex I, Jalan Gadong BE11188, Negara Brunei Darussalam

Tel: +673-2421840 Fax: (673 2) 244-7397 / 242-1839

Website

❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**

* Website *CIA – The World Factbook*

* Website *Bộ Ngoại giao Việt Nam*

* Website *Tổng cục Thống kê Việt Nam*

* Website *Tổng cục Hải quan Việt Nam*

<http://www.oecd.org>

<https://tradingeconomics.com/>

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Brunei

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
BRUNÂY			6.092.277		66.644.337
Hàng thủy sản	USD		163.014		1.871.352
Gạo	Tấn			7.891	3.284.190
Sản phẩm từ sắt thép	USD		4.589.005		30.711.931
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		136.752		2.450.316
Hàng hóa khác	USD		1.203.505		28.326.548

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Brunei

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
BRUNÂY			10.006.384		177.372.028
Dầu thô	Tấn			342.795	144.582.970
Hóa chất	USD		2.066.704		15.432.596
Hàng hóa khác	USD		7.939.680		17.356.462